

SỬ DỤNG VIDEO VÀO VIỆC DẠY NGHE HIỂU CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH

NGUYỄN THỊ HOÀNG HUẾ - NGUYỄN THỊ HUỆ - ĐINH THỊ THÙY LINH*

Ngày nhận bài: 26/07/2016; ngày sửa chữa: 20/8/2016; ngày duyệt đăng: 26/10/2016.

Abstract: It cannot be denied that videos have become more and more popular in teaching languages for all skills such as speaking, listening, reading and writing. This is an effective tool for teaching foreign languages. In this article, authors present methods of teaching listening skills with aim to help non-major English students improve their learning skills. By designing different activities with support of videos, teachers help students take part in the lessons in the most effective way. This also promotes the positive and creativity of students in learning and improves quality of teaching foreign languages at schools.

Keywords: Video, video materials, listening skill, university students.

Sự thành công của một giờ dạy ngoại ngữ (NN) phụ thuộc rất nhiều yếu tố, trong đó các phương tiện kĩ thuật đóng một vai trò không nhỏ. Phương tiện kĩ thuật trang bị cho lớp học NN càng hiện đại và phong phú càng giúp giảng viên (GV) và người học đạt được hiệu quả dạy - học cao nhất.

Người học NN đều mong muốn được giao tiếp thuần thực bằng NN đó trên cả 4 kênh *nghe, nói, đọc* và *viết*. Trong 4 kênh giao tiếp này, nghe hiểu được coi là kênh giao tiếp khó bởi đây là kĩ năng phụ thuộc rất nhiều vào người nói. Hơn nữa, hiện nay tiếng Anh là một "ngôn ngữ quốc tế" với nhiều giọng khác nhau như Anh - Anh, Anh - Mĩ, Anh - Úc,... Người học muốn nghe tốt tiếng Anh thì phải làm quen với các cách phát âm đó. Với những sinh viên (SV) không chuyên tiếng Anh, học nghe hiểu làm sao để vừa đảm bảo yêu cầu của những kì thi, vừa có thể giao tiếp tốt bên ngoài bằng tiếng Anh là một trở ngại lớn, đặc biệt đối với những SV đến từ các vùng nông thôn. Việc dạy kĩ năng này như thế nào sao cho hiệu quả cũng là một thách thức không nhỏ đối với GV. Vấn đề đặt ra là phải làm sao vừa luyện cho SV có được những kĩ năng nghe hiểu cơ bản, đồng thời cung cấp thêm kiến thức nền cần thiết cũng như tận dụng hết những khả năng sẵn có, giúp các em đạt được kết quả cao trong việc học và giao tiếp.

Nghiên cứu phương pháp dạy nghe hiểu bằng video từ lâu được các nhà giáo học pháp đánh giá là một phương tiện dạy - học NN hiệu quả. Thông qua việc phân tích những khả năng mà video có thể làm được đối với việc dạy - học NN cũng như phân tích những nhu cầu của GV trong việc nâng cao hiệu quả của dạy kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh, bài viết đề

cập sự cần thiết của việc ứng dụng video vào dạy NN nói chung và kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh nói riêng cho SV.

1. Những ưu việt của video trong dạy - học NN nói chung và dạy nghe hiểu nói riêng

1.1. Nguồn tài liệu phong phú. Hiện nay, với sự phát triển không ngừng của Internet, chúng ta dễ dàng khai thác tư liệu bằng video từ nhiều nguồn để phục vụ cho các mục đích dạy - học khác nhau. Người dạy có thể mua hoặc tải miễn phí các nguồn tài liệu như phim truyện (films), phim hoạt hình (cartoons), phim tài liệu (documentaries), trò chơi (game shows), phỏng vấn (interviews), chương trình quảng cáo và thương mại (ads/commercials),... Loại tài liệu này có rất nhiều ưu điểm như: tính hiện thực cao, hấp dẫn đối với cả người dạy và người học, tính cập nhật cao, tính nguyên bản và chi phí tương đối thấp. Như vậy, tùy thuộc vào mục đích dạy - học khác nhau, GV quyết định và lựa chọn loại tài liệu sao cho phù hợp với đối tượng SV của mình.

1.2. Trình bày, minh họa, củng cố và ôn luyện các yếu tố ngôn ngữ. Video có thể đặt người học vào hoàn cảnh ngôn ngữ thật, hoặc ít ra cũng giống thật, được sử dụng trong những ngữ cảnh cụ thể. Đối với người học NN, việc giới thiệu những yếu tố ngôn ngữ bằng video sẽ tạo hiệu quả rất cao giúp người học nhớ nhanh các cấu trúc ngôn ngữ mới và không gặp lúng túng khi sử dụng trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Ví dụ như khi GV dạy SV cách phát âm tiếng Anh, nhiều SV gặp khó khăn trong việc đọc một số âm, đặc biệt là những âm không có trong tiếng

* Trường Đại học Hoa Lư

Việt. Nếu SV được nghe và xem người bản ngữ phát âm và bắt chước theo thì hiệu quả sẽ cao hơn so với học qua sự miêu tả hoặc bắt chước GV, đặc biệt là trong trường hợp người dạy phát âm không chuẩn.

1.3. Video với đường hướng giao tiếp trong dạy - học NN. Với mục tiêu giúp người học có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ đích trong các tình huống giao tiếp khác nhau, so với các phương tiện dạy - học khác (sách giáo khoa, radio, băng cassette), video là công cụ hỗ trợ đắc lực nhất trong đường hướng dạy học này. Điểm nổi bật của video là khả năng trình bày các tình huống giao tiếp hoàn chỉnh bởi nó có sự kết hợp liên tục, xuyên chuỗi giữa âm thanh và hình ảnh. Theo Lonergan (1984), sử dụng video vào dạy nghe hiểu điều đó có nghĩa là giao tiếp được thực hiện trong ngữ cảnh rất cụ thể, nhiều yếu tố giao tiếp được người xem - người học NN nhận thức một cách dễ dàng. Hơn thế nữa, video thể hiện được tối đa các yếu tố của một tình huống giao tiếp. Như vậy, người học vừa nghe được giọng, vừa nhìn thấy người nói, qua đó có thể biết được tuổi, giới tính, địa vị xã hội, nghề nghiệp, thái độ, tình cảm của những người tham gia hội thoại cũng như mối quan hệ giữa họ. Thêm vào đó, những yếu tố “ngoại ngôn” khác như nét mặt, cử chỉ là những yếu tố rất quan trọng giúp người học nắm bắt được những gì đang được nói trên màn hình.

Nhờ những yếu tố tình huống trên, so với việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác, sử dụng video có nhiều lợi thế hơn hẳn. Hill (1992) đã đánh giá về video trong dạy - học NN theo đường hướng giao tiếp là rất thích hợp với mục đích phát triển các kĩ năng *nghe, nói, đọc, viết* của người học cũng như những hiểu biết về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước sử dụng ngôn ngữ mà họ đang học.

1.4. Minh họa các yếu tố “ngoại ngôn” và thông tin ngoài ngôn ngữ. Hill (1992) cho rằng video là phương tiện duy nhất trong việc dẫn dắt người học đến với những yếu tố hình ảnh mang ý nghĩa giao tiếp như cử chỉ, nét mặt, ánh mắt, khoảng cách,... của người đang giao tiếp. Ngoài ra, ngôn ngữ cử chỉ còn chứa đựng thông tin về thái độ, địa vị xã hội, quan hệ giữa những người tham gia hội thoại. Theo Miro (1998), diện mạo và cảnh huống là những yếu tố hình ảnh chứa đựng những thông tin mà bản thân ngôn ngữ không thể hiện được về người nói và cách đối xử hợp lí của họ. Như vậy, video có thể được sử dụng theo nhiều mục đích dạy - học NN khác nhau tùy theo trình độ ngôn ngữ của người học. Đối với người học ở cấp độ cơ sở, video được dùng trong việc trình bày, giới thiệu và củng cố ngôn ngữ. Còn đối với người học

cao hơn, video là yếu tố kích thích nhiều hoạt động ngôn ngữ. Hầu hết các tài liệu video đều được sử dụng theo nhiều cách, hiệu quả thế nào phụ thuộc rất nhiều vào sự khai thác của GV.

1.5. Giúp người học làm quen với nền văn hóa của “ngôn ngữ đích”. Theo nhiều nhà nghiên cứu, NN là “chiếc chìa khóa vàng” để bước vào một nền văn hóa khác. Video có thể giúp người học hiểu sâu những khung cảnh văn hóa của ngôn ngữ đích cũng như thu hút sự quan tâm của họ vào những khía cạnh văn hóa của chính đất nước mình. Theo Tudor (1987), chỉ nên sử dụng những tài liệu thực để hướng dẫn, giới thiệu cho người học làm quen với văn hóa ngôn ngữ đích bởi trong các tài liệu thực không chỉ có ngôn ngữ được trình bày một cách tự nhiên, không sắp xếp mà các yếu tố văn hóa cũng được trình bày trong những ngữ cảnh rất cụ thể.

1.6. Phát triển kĩ năng nghe hiểu. Video có thể được sử dụng như một chiến lược dạy nghe hiểu hiệu quả. Thông qua video, người học suy luận từ những gì hiển thị trên màn hình. Điều này giúp họ hiểu được những gì họ đang nghe chứ không nhất thiết phải nghe từng câu, từng chữ. Đây là một chức năng rất quan trọng của video bằng cách tận dụng cả hai kênh hình và tiếng, đặc biệt là kênh tiếng.

2. Phương pháp dạy nghe hiểu sử dụng video

2.1. Chuẩn bị của GV. Để có được một giờ dạy nghe hiểu sử dụng video hiệu quả, GV phải tốn rất nhiều thời gian và công sức vào công tác chuẩn bị bài, bắt đầu từ khâu lựa chọn tài liệu, biên tập tài liệu, xử lí nội dung, hình ảnh, soạn các bài tập ôn luyện đi kèm,... Tất cả các khâu phải được chuẩn bị hết sức kĩ lưỡng.

2.1.1. Thu thập tài liệu: Căn cứ vào mục tiêu cụ thể của chương trình và những nội dung cần đảm bảo, GV có thể tìm nguồn tài liệu thích hợp. Đây là giai đoạn mất nhiều công sức và thời gian nhất bởi nguồn tài liệu rất phong phú. Để lựa chọn được nội dung phù hợp với đối tượng SV của mình không phải là điều dễ dàng. Các tư liệu ban đầu chỉ là tư liệu dưới dạng “thô”; chúng cần phải được “nhào nặn, chế biến” sao cho nội dung phù hợp với thời gian trên lớp, phù hợp với trình độ của người học, sở thích của họ cũng như yêu cầu của chương trình. Sau khi lựa chọn xong, công việc tiếp theo là phải tiến hành các thao tác xử lí kĩ thuật.

2.1.2. Xử lí kĩ thuật: Dựa trên tài liệu thu thập được và dựa vào mục đích giảng dạy của mình, GV biên tập, sắp xếp lại nội dung, chèn âm thanh, hình ảnh,... sao cho phù hợp với nội dung chương trình và đối tượng người học. Sau khi xử lí xong, GV cần kiểm tra

lại một lần từ đầu đến cuối toàn bộ sản phẩm trước khi sao lưu.

2.1.3. Biên soạn các bài tập ôn luyện đi kèm: Để giúp người học củng cố thêm nội dung bài học và nâng cao hơn nữa kĩ năng nghe hiểu của mình, GV còn phải dành thời gian và công sức để thiết kế thêm hệ thống bài tập ôn luyện đi kèm.

2.1.4. Kiểm tra thiết bị trước khi sử dụng: Trước khi chính thức giảng dạy, GV cần kiểm tra các thiết bị để tránh những sự cố kĩ thuật trong giờ dạy, vừa gây lúng túng cho GV vừa mất thời gian của người học.

2.2. Các hoạt động trên lớp - một số thủ thuật dạy nghe hiểu

2.2.1. Các hoạt động trước khi nghe (Pre-listening Activities). Trước khi cho người học xem video, GV nên tổng hợp danh sách từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, các thuật ngữ, nhân vật, các sự kiện liên quan đến nội dung đoạn băng. Nếu những yếu tố này được làm rõ trước khi nghe sẽ giúp người học dễ dàng nắm bắt được bài học.

Đoán trước thông tin cũng là một phương pháp hữu ích. GV giới thiệu nội dung chính của đoạn clip và yêu cầu người học sử dụng những hiểu biết của họ để tổng hợp tất cả những từ ngữ và các thông tin khác mà họ biết về chủ đề đó. Nếu có thể, GV nên viết lên bảng những thông tin thu được từ người học để giúp họ chia sẻ thông tin, từ đó hiểu được nội dung đoạn video hơn.

Mặt khác, GV kích thích hoạt động này bằng cách hỏi một số câu hỏi trong khi cho người học xem hình ảnh không có âm thanh như: *Đây là ai? (Who is that?), Họ đang làm gì? (What are they doing?), Đây là cái gì? (What is this?), Chuyện gì đang xảy ra ở đây? (What is happening here?), Đây là đâu? (Where is this?), Tại sao họ lại làm vậy? (Why are they doing that?),...* Hoặc GV có thể yêu cầu người học làm việc theo cặp bằng cách ngồi quay lưng lại với nhau: một người xem video còn người kia quay theo chiều ngược lại. Những người được xem video sẽ miêu tả cho bạn mình những gì mà họ thấy.

Sau khi tổng hợp được vốn từ vựng cần thiết, GV cho người học xem video với đầy đủ hình ảnh và âm thanh để kiểm tra xem người học có nghe được những từ nào trong số những từ mà họ phán đoán ban đầu. Hơn nữa, GV có thể yêu cầu người học nghe và viết lại những từ mà họ chưa đề cập đến.

2.2.2. Các hoạt động trong khi nghe (While-listening Activities)

Nghe xác định nội dung chính của đoạn video. GV yêu cầu người học xem đoạn video và nói được

nội dung chính của đoạn đó. Ví dụ, khi cho người học nghe bản tin của CNN với độ dài khoảng 3 phút, GV có thể hỏi người học những câu hỏi như: *Chủ đề của bản tin là gì? (What is the topic of the reports?), Ai là trung tâm của chương trình? (Who is at the center of this report?),...* Hoạt động này sẽ tạo được không khí trao đổi, thảo luận giữa người học với nhau chỉ sau lần xem đầu tiên, đặc biệt là khi người học nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng những thông tin về mặt hình ảnh để giúp họ hiểu được nội dung. Hơn nữa, nó còn giúp người học nắm được nội dung chính trước khi tiến hành các hoạt động mang tính chi tiết hơn.

Nghe lấy thông tin chi tiết. Sau khi làm tốt các hoạt động trên và người học đã nắm được một phần nào đó nội dung chính của đoạn video thì đây là lúc thích hợp để tiến hành các hoạt động nghe có tính chất tiêu điểm hơn, tập trung vào các thông tin chi tiết hơn. Một số thông tin chi tiết mà GV có thể yêu cầu người học nắm bắt qua đoạn video là:

- **Các số liệu:** Ví dụ như khi sử dụng bản tin CNN, BBC (các tin thường chứa rất nhiều số liệu), GV có thể yêu cầu người học làm bài tập sau: chia trang giấy thành hai cột, một bên ghi các số liệu và bên kia ghi nội dung của các số liệu đó. Lần nghe thứ nhất, người học chỉ cần nghe và viết lại các số liệu mà họ nghe được. Lần nghe thứ hai, họ phải nghe được nội dung của bản tin. Đối với những bản tin có tốc độ nhanh, GV dùng video ở những đoạn có liên quan đến các số liệu hoặc tua lại nếu cần thiết. Nếu kết quả người học có được không thống nhất với nhau, người học có thể được nghe lại lần nữa để chọn kết quả đúng.

- **Xác định thời gian:** Trong một đoạn băng thường chứa đựng nội dung về thời gian. Với cách thức tiến hành như nghe lấy số liệu, GV yêu cầu người học nghe và viết lại những mốc thời gian mà họ nghe được cũng như sự kiện đi cùng thời gian đó.

- **Xác định nội dung của các thuật ngữ:** Trong các bản tin thời sự đều có sử dụng nhiều thuật ngữ, trong đó có những thuật ngữ đã được sử dụng từ lâu nhưng người học chưa biết, cũng có những thuật ngữ mới. GV chuẩn bị sẵn các thuật ngữ được sử dụng trong đoạn băng để yêu cầu người học nghe và đoán nghĩa của chúng. Hoạt động này không những giúp người học tăng cường vốn từ vựng mà còn giúp họ có thêm kiến thức ngôn ngữ mang tính chuyên ngành. Người học căn cứ vào ngữ cảnh cũng như những yếu tố hình ảnh để đoán nội dung của các thuật ngữ đó. Đây chính là điểm mạnh của video so với băng cassette.

- *Tim hiểu từ mới*: Trong đoạn băng, có thể người học nghe rất nhiều từ mới mà không biết phát âm như thế nào. Trong trường hợp này, GV cho người học xem băng để tìm đúng từ đó. Người học đoán cách đánh vần của từ bằng cách nghe âm thanh và nhìn khẩu hình của người nói để từ đó đoán được nghĩa của nó qua ngữ cảnh.

- *Nghe xác định tính chất của ý kiến là đồng tình hay phản đối*: Hoạt động này được áp dụng cho những đoạn băng trình bày một vấn đề nào đó, trong đó có nhiều ý kiến khác nhau. GV yêu cầu người học nghe và xác định xem ý kiến nào là đồng và ý kiến nào là phản đối sự việc đó.

- *Yêu cầu người học tự mình đặt câu hỏi cho đoạn băng*: GV yêu cầu người học tự mình đặt 10 câu hỏi có thể được trả lời hoặc không được trả lời trong đoạn băng. Đây là những câu hỏi đóng hoặc mở. Sau đó, người học sẽ nghe băng và tìm câu trả lời cho những câu hỏi của mình. Đây là hoạt động kích thích người học rất nhiều trong cách nghe chủ động để lấy thông tin, từ đó giúp họ trong việc tự học nghe bằng cách xem các chương trình tivi bằng tiếng Anh ở nhà hoặc ở thư viện.

2.2.3. Các hoạt động sau khi nghe (Post-listening Activities). GV thiết kế một vài hoạt động sau khi nghe để người học củng cố và có điều kiện tự suy nghĩ về vấn đề vừa xem: - *Tóm tắt hoặc kể lại nội dung*: Yêu cầu người học kể lại hoặc tóm tắt nội dung của đoạn băng là một cách hữu ích để kiểm tra mức độ hiểu của người học, giúp họ tổng hợp lại tất cả những thông tin nghe được; hoặc GV chỉ sử dụng hình ảnh của đoạn băng và yêu cầu người học thêm phần lời cho đoạn băng đó. Để khuyến khích sự tập trung của người học vào các chi tiết, GV có thể chạy băng ở chế độ quay chậm; - *Thảo luận về nội dung của đoạn băng*: GV chia lớp học thành nhiều nhóm để cho các em thảo luận xung quanh vấn đề mà các em vừa được nghe. Sau đó, GV mời một vài em đại diện của mỗi nhóm lên trình bày quan điểm và suy nghĩ của nhóm mình về vấn đề đó. Đây chính là hoạt động đóng vai (role-play) mà ở đó người học được làm quen với phương pháp tranh luận mang tính nghi thức.

Có thể nói, sử dụng video vào việc dạy nghe hiểu có nhiều ưu điểm hơn so với cassette hoặc đĩa CD như: tình huống giao tiếp thật, người học có cơ hội phát triển kiến thức nền. Video tạo ra được môi trường học tiếng hiệu quả, trong đó người học phát huy được

vai trò tích cực, chủ động trong quá trình dạy - học. Tiềm năng của video và công nghệ xử lý video không chỉ dừng lại ở việc dạy nghe hiểu, nó còn được ứng dụng để dạy các kỹ năng cũng như các môn lý thuyết tiếng khác. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Lonergan, J. (1984). *Video in language teaching: A practical handbook for teachers*. Cambridge University Press.
- [2] Hill, B. (1992). *Making the most of video (2nd Edition)*. London: CILT.
- [3] Miro, A. (1998). *Evaluating video*. The Ed Tech Pages.
- [4] Tudor, I. (1987). *Video as a mean of cultural familiarization*. Cambridge University Press.
- [5] Stempleski S. - Arcario P. (1992). *Video in second language teaching: Using, selecting, and producing video for the classroom*. Teachers of English to Speakers of Other Languages.

Đổi mới phương pháp dạy học...

(Tiếp theo trang 214)

trên cả 2 phương diện, kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ thông qua con đường tự học, tự nghiên cứu. Bộ môn, Nhà trường nên thường xuyên tổ chức cho GV lí luận chính trị đi tham quan thực tế để có tư liệu thực tiễn phong phú, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy. Đặc biệt, Trường cần căn cứ vào tính đặc thù của bộ môn để có chính sách hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ môn tổ chức các hội thảo chuyên môn để GV học tập lẫn nhau, có được kiến thức chuyên sâu nhằm nâng cao chất lượng công tác giảng dạy. □

Tài liệu tham khảo

- [1] *Hồ Chí Minh toàn tập* (tập 9) (1995). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Lê Văn Hào (2010). *Sổ tay phương pháp dạy học và đánh giá*. Trường Đại học Nha Trang.
- [3] Đinh Văn Đức - Dương Thuý Nga (2009). *Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Bộ GD-ĐT (2009). *Giáo trình Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Phùng Văn Bộ (chủ biên) (2001). *Một số vấn đề về phương pháp giảng dạy và nghiên cứu Triết học*. NXB Giáo dục.